TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HC-ST

Ngày: 17 - 5 - 2019

V/v "*Khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quyết Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Phúc Tân.

2. Ông Đỗ Mạnh Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên *(theo quyết định thay đổi số 77/TB-VKS-HC ngày 08/5/2019).*

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-HC ngày 17/9/2018 về việc "*Khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Phùng Văn T1. Địa chỉ: Số 204, đường P, tổ dân phố số 1, thị trấn L1, huyện T1, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bà Phùng Thị Kim P2. Địa chỉ: Số 002, đường T, phường L2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Phùng Thị P3. Địa chỉ: SN 001A, tổ 5, phố T, phường L2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: đường 19/5, thị trấn L1, huyện T1, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh S. Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T2 (văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phùng Thị L2. Địa chỉ: SN 054, đường S1, phường T3, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- Ông Phùng Văn T4. Địa chỉ: SN 008, đường T, phường L2, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

- Bà Phùng Kim D. Địa chỉ: SN 358, đường P, thị trấn K1, huyện K1, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

- Bà Phùng Thị Kim L3. Địa chỉ: SN 008, đường U, phường T2, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

- Bà Trương Thị L4. Địa chỉ: SN 204, đường P, tổ dân phố số 1, thị trấn L1, huyện T1, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- Ông Bùi Văn S1. Địa chỉ: SN 001A, phố T, phường L2, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng)

- Bà Bùi Thị X. Địa chỉ: SN 01, hẻm 624/12/93 đường K2, phường V, quận T3, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị X: Bà Phùng Thị P3. Địa chỉ: SN 001A, tổ 5, phố T, phường L2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018). Có mặt.

- Ông Bùi Đức L3. Địa chỉ: SN 01, hẻm 624/12/93 đường K2, phường V, quận T3, thành phố Hà Nội; Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng).

- Bà Lê Thị H1. Địa chỉ: SN 08, hẻm 624/12/109, đường K2, phường V, quận T3, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

- Ông Lê Xuân Đ. Địa chỉ: Địa chỉ: SN 054, đường S1, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

- Ông Lồ Trang S2. Địa chỉ: SN 358, đường P1, thị trấn K1, huyện K1, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- Bà Lồ Kim V. Địa chỉ: SN 358, đường P2, thị trấn K1, huyện K1, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lồ Trang S2, bà Lồ Kim V: bà Phùng Kim D. Địa chỉ: SN 358, đường P2, thị trấn K1, huyện K1, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018) Có mặt.

- Ông Lê Văn K3. Địa chỉ: SN 008, đường U, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng)

- Ông Lê Thế H2. Địa chỉ: SN 008, đường U, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng)

- Ông Lê Quang H3. Địa chỉ: SN 008, đường U, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là của bà Nguyễn Thị T5 cho con gái là bà Cấn Thị Q trước khi đi lấy chồng, diện tích khoảng 4,5 sào tại tổ dân phố số 01, thị trấn Phố Lu. Sau đó bà Quy lấy ông Phùng Văn T6. Đến năm 1971, bà Q chết, ông T6 và các con tiếp tục sinh sống trên diện tích đất được cho. Từ năm 1981, khi các con lập gia đình riêng, ông T6 đã cho các con đất để sinh sống, cụ thể như sau:

Năm 1981: cho bà Phùng Thị L2 137 m2 và bà L2 đã làm nhà trên đất. Cho bà Phùng Thị Kim P2 132 m2 gần đất nhà bà L2.

Năm 1983: cho UBND thị trấn L1 mượn đất làm chợ, lúc này chuyển nhà bà L2, bà P2 sang đuôi đất của bà Nguyễn Thị B.

Năm 1988: cho ông Phùng Văn T4 263 m2 và đã làm nhà trên đất.

Năm 1989: cho bà Phùng Thị P3 135 m2 và bà P3 đã làm nhà trên đất.

Năm 1989: cho bà Phùng Kim D 130 m2 nhưng chưa làm nhà, trên đất có công trình vệ sinh cũ của nhà ông T, sau đó bà D theo chồng về K1, nhờ các anh chị trông coi, trồng cấy.

Năm 1991: cho bà Phùng Kim L3 130 m2, làm nhà, sinh sống trên đất.

Riêng ông Phùng Văn T1 sinh sống cùng ông T6 liên tục trên đất. Sau khi cho các con hết đất, ông T6 sống cùng ông T1. Đến năm 1999, ông T6 chết, sau khi chết đã làm giấy khai tử và chủ hộ đổi tên thành ông Phùng Văn T1 từ năm 1999. Tất cả 06 người con của ông T6 sau khi được cho đất đều đã làm nhà, sinh con, sinh sống ổn định, không tranh chấp trên diện tích đất được cho, chỉ riêng bà D là không làm nhà trên đất.

Khi cho đất, ông T6 chỉ cho các con bằng miệng, không có giấy tờ gì. Sau đó các con ông T6 không làm thủ tục đăng ký đất đai với cơ quan nhà nước mà chỉ tiếp tục sử dụng phần đất được cho.

Sau đó, các con ông T6 lần lượt chuyển đi nơi khác sinh sống, cụ thể: Bà Loan, ông Thạch chuyển khẩu lên thành phố Lào Cai tháng 3 năm 1993; Bà D chuyển khẩu lên K1 năm 1988; Bà P2 chuyển khẩu lên thành phố C năm 1994; Bà P3 chuyển khẩu lên thành phố C năm 1995. Bà L3 chuyển khẩu năm 1994. Chỉ còn ông T1 ở lại thị trấn L1. Tuy chuyển đi nơi khác nhưng những người con của ông T6 vẫn sử dụng nhà và đất liên tục đến tận bây giờ, có những lúc cho thuê nhà để lấy tiền sinh sống.

Toàn bộ nhà đã dựng đều là nhà lá, nhà gỗ nên thiên tai, bão lũ, mối mọt

đã bị đổ hết, đến năm 2012 nhà gỗ của ông T1 bị đổ nốt. Năm 2013, các con ông T6 đến UBND thị trấn L xin làm lại nhà và làm bìa đỏ nhưng được trả lời là đất vào quy hoạch nên không được xây dựng nhà và cấp bìa.

Ngày 25/5/2014, một tổ công tác gồm ông T7, ông T8, ông T9, ông Đ1, ông Đ2, ông C xuống làm việc. Bà Phùng Thị P3 yêu cầu phải có quyết định thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng và thông báo thu hồi đất nhưng phía tổ công tác không cung cấp được nên bà P3 không đồng ý làm việc. Đến năm 2016, Hội đồng giải phóng mặt bằng lại đến kiểm kê đất và tài sản trên đất nhưng trong biên bản lại ghi thời điểm lập biên bản là năm 2014, tự động ghi là 6 anh em ủy quyền cho ông T1, biên bản ghi kiểm kê chỉ ghi có 120 m2 đất ở, còn lại khoảng 1200 m2 là đất trồng cây lâu năm. Sau khi đọc biên bản gia đình không nhất trí nên công việc bỏ lửng.

Sau đó, UBND huyện T2 đã thông báo những người con của ông T6 đến họp nhiều lần nhưng không đi đến thống nhất được.

Ngày 14/11/2017, UBND huyện T2 có ban hành thông báo thu hồi đất số 366/TB-UBND (sau đây gọi là Thông báo số 366) mang tên ông Phùng Văn T6 là chủ hộ đã chết và tiến hành một loạt trình tự thu hồi đất khác có sai phạm, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của 07 người con ông T6, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Xác định sai người bị thu hồi đất. Vì người sử dụng đất là các con ông T6, không phải là ông T6 đã chết. Năm 1999, ông T6 chết, chủ hộ đổi tên thành ông Phùng Văn T1, đến nay không còn chủ hộ nào là Phùng Văn T6. Vì vậy, ông T6 không thể là chủ sử dụng toàn bộ diện tích đất của 07 người con tại thị trấn L1. Mặt khác, 07 người con ông T6 đều sử dụng đất ổn định, liên tục, không vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp từ thời điểm được cho đất, 07 người con ông T6 đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất của mình. Do đó, Thông báo thu hồi đất số 366, Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 (Sau đây gọi là Quyết định số 752), Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 (sau đây gọi là Quyết định số 1169) là sai về người bị thu hồi đất. Trong khi Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường số 3418/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 (sau đây gọi là Quyết định số 3418) và quyết định thu hồi đất số 3419/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 (sau đây gọi là Quyết định số 3419) của UBND huyện T2 lại ghi tên 07 người con ông T6. 07 người con ông T6 đều có diện tích đất riêng và có quyền sử dụng đất riêng. Vì vậy, khi thu hồi đất, UBND huyện T2 phải tiến hành thu hồi đất theo trình tự đối với từng người đang sử dụng đất.

Thứ hai: Xác định sai loại đất thu hồi. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật đất đai 2013; Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đất của 07 người con ông T6 đều được xác định là đất ở. Vì kể từ thời điểm được cho đất, quá trình sinh sống, cả 07 hộ gia đình đều sử dụng đất với mục đích để ở, làm nhà, làm việc, cư trú tại đất này, khi đã chuyển đi khỏi thị trấn L1 thì vẫn cho người khác thuê nhà để ở. Tuy nhiên, do thiên tai (bão) nên nhà đã bị hư hỏng từ năm 2008, hiện tại chỉ còn lại nhà của bà Phùng Thị Kim P2, riêng nhà của bà Phùng Kim D đã bị Hội đồng giải phóng mặt bằng

tự ý phá bỏ vào ngày 11/7/2016 khi không có quyết định thu hồi. Hơn nữa, 06/07 người con ông T6 đều là công chức Nhà nước, còn 01 người làm kinh doanh buôn bán nên không có ai trồng cây trên diện tích đất nói trên. Vì vậy, không thể xác định đây là diện tích đất trồng cây lâu năm, phải xác định là đất ở. Số lượng cây cối trên đất không đúng thực tế.

Thứ ba: căn cứ thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật. Các quyết định hành chính bị kiện được ban hành dựa trên Thông báo thu hồi đất số 105/TB-UBND ngày 28/4/2014 (sau đây gọi là Thông báo thu hồi đất số 105) của UBND huyện T2. Tuy nhiên, Thông báo thu hồi đất số 105 là sai và không có căn cứ pháp luật, trái với quy hoạch của UBND tỉnh Lào Cai đã phê duyệt. Cụ thể: Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt dự án sau kè bờ tả sông Hồng , khu vực cầu L1, huyện T2, tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là dự án sau kè bờ tả sông Hồng), với tổng diện tích là 27,5 ha. Tuy nhiên, UBND huyện T2 ban hành thông báo số 105 với tổng diện tích 30 ha, ngoài ra không có quyết định điều chỉnh diện tích dự án nào khác. Như vậy, UBND huyện T2 đã tự ý tăng diện tích dự án lên 2,5 ha mà không theo quy hoạch để tự ý thu hồi đất của dân. Do đó, người khởi kiện cho rằng, diện tích đất của người khởi kiện nằm trong 2,5 ha đất mà UBND huyện T2 tự ý thêm vào quy hoạch.

Mặt khác, dù là một chuỗi các thủ tục hành chính trong các bước thu hồi đất nhưng các quyết định hành chính bị kiện có sự khác nhau về chủ thể bị thu hồi đất, cụ thể: Tại Thông báo số 366, Quyết định số 752, Quyết định số 1169 ghi người bị thu hồi đất là ông Phùng Văn Tiến. Nhưng quyết định số 3418, 3419 thì lại ghi người bị thu hồi đất là ông Phùng Văn T4, Phùng Thị L2, Phùng Kim D, Phùng Thị P3, Phùng Thị Kim P2, Phùng Văn T1, Phùng Thị Kim L3.

UBND huyện T2 cho rằng 07 người con ông T6 không hợp tác để ra quyết định kiểm đếm bắt buộc. Theo người khởi kiện như vậy là không đúng.

Vì những lý do trên, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 3418 và Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2 và buộc UBND huyện T2 thực hiện thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích của từng người sử dụng đất theo đúng luật đất đai 2013 và các nghị định có hiệu lực từ 01/7/2014.

Theo văn bản ghi ý kiến và bản tự khai, người bị kiện trình bày:

Ngày 20/6/2013 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1514/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2. Sau đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 Phê duyệt Quy hoạch chi tiết. Ngày 13/6/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1620/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:

Ngày 28/4/2014, UBND huyện T2 đã ban hành Thông báo số 105 về việc thu hồi đất để triển khai Dự án, trong đó có phần diện tích 1.188m^2 của hộ ông

Phùng Văn T6 (chủ hộ đã chết). Tuy nhiên những người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 không nhất trí với việc thu hồi.

Đến ngày 08/7/2016 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện (sau đây gọi tắt là Hội đồng bồi thường) đã làm việc với các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 đã thống nhất tiến hành chia ranh giới tại thực địa để cho từng thành viên trong gia đình tự thực hiện thống kê, kê khai áp giá bồi thường, nhưng không cung cấp cho Hội đồng bồi thường văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Đến ngày 04/5/2017, UBND huyện T2 đã ban hành các thông báo số 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án sau kè bờ tả Sông Hồng nhưng ngày 08/11/2017 UBND huyện T2 đã ra các Thông báo số 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359 về việc thu hồi, hủy bỏ các thông báo thu hồi đất ban hành ngày 04/5/2017 do các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 không cung cấp cho Hội đồng bồi thường văn bản thỏa thuận phân chia di sản có chứng thực của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ vào khoản 3, Điều 49 và khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện T2 đã ban hành Thông báo số 366 ngày 14/11/2017 về thu hồi đất để thực hiện Dự án. Đến ngày 18/01/2018, 25/01/2018 và ngày 02/02/2018, Hội đồng bồi thường đã mời các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 đến triển khai công tác điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án nhưng các ông, bà không phối hợp thực hiện. Đến ngày 13/3/2018, UBND thị trấn L1 đã phối hợp với UBMTTQVN thị trấn L1 tiến hành tuyên truyền, vận động thuyết phục trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất nhưng các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan không phối hợp.

Ngày 27/3/2018 Chủ tịch UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định 752/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc. Đến ngày 09/4/2018 Hội đồng bồi thường đã mời các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan đến triển khai công tác điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án nhưng các ông, bà không phối hợp (tại biên bản ngày 09/4/2018).

Ngày 20/4/2018 Chủ tịch UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 1169 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc. Đến ngày 27/4/2018 và 04/5/2018 Ban cưỡng chế và Hội đồng bồi thường đã tiến hành vận động, thuyết phục các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông Phùng Văn T6nhưng vẫn không phối hợp.

Đến ngày 10/5/2018 Ban cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đã tổ chức thực hiện Quyết định số 1169 và lập biên bản ghi nhận quá trình cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, đến ngày 17/5/2018 Hội đồng bồi thường đã ra Thông báo số 05/TB-HĐBT về niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Phùng Văn T6 (chủ hộ đã chết).

Sau khi công khai và kết thúc công khai kết quả áp giá, bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án, UBND huyện T2 đã ra Quyết định số 3418 ngày 14/8/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng thời ban hành Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 về việc thu hồi đất xây dựng Dự án sau kè bờ tả Sông Hồng.

Vậy UBND huyện T2 ra Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 về và Quyết định số 3418 ngày 14/8/2018 là đúng quy định, không có cơ sở hủy hai Quyết định nói trên.

Người khởi kiện yêu cầu thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích đất của từng người sử dụng đất là không có cơ sở do toàn bộ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu diện tích 1.188m^2 mang tên hộ ông Phùng Văn T6 (chủ hộ đã chết). Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông Phùng Văn T6 không cung cấp cho UBND huyện T2 giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nói trên.

-Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều nhất trí với nội dung trình bày của những người khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối thoại để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng đối thoại không thành. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện. Hủy Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 về và Quyết định số 3418 ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2, tỉnh Lào Cai. Buộc UBND huyện T2 thực hiện việc thống kề bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện.

Về đối tượng khởi kiện: Ông T1, bà P2, bà P3 khởi kiện Quyết định số 3419 của UBND huyện T2 về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án sau kè bờ tả sông Hồng và Quyết định số 3418 của UBND huyện T2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng Dự án sau kè bờ tả sông Hồng; Buộc

UBND huyện T2 thực hiện thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích đất của từng người sử dụng đất. Đối tượng khởi kiện trong vụ án là các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền giải quyết: Các quyết định hành chính và hành vi hành chính bị kiện là của UBND huyện T2, tỉnh Lào Cai, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Các Quyết định số 3418 và Quyết định số 3419 được UBND huyện T2 ban hành ngày 14/8/2018. Đến ngày 11/9/2018, ông T, bà P2, bà P3 đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Như vậy, vụ án được khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2 về việc thu hồi đất xây dựng dự án sau kè bờ tả sông Hồng

[2.1] Về thẩm quyền ban hành

Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai 2013 quy định UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Vì vậy, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án sau kè bờ tả sông Hồng là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành

Ngày 20/6/2013 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1514/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2.

Ngày 10/7/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1 huyện T2.

(Quyết định số 1514 và Quyết định số 1722 đã được đính chính về tên, thể thức, kỹ thuật trình bày tại Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Lào Cai, Quyết định số 1514 đổi tên thành "Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2")

Ngày 13/6/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1620/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2.

Ngày 28/4/2014, UBND huyện T2 đã ban hành Thông báo số 105 về việc thu hồi đất để triển khai Dự án.

Đến ngày 04/5/2017, UBND huyện T2 đã ban hành các thông báo số 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Ngày

08/11/2017, UBND huyện T2 đã ra các Thông báo số 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359 về việc thu hồi, hủy bỏ các thông báo thu hồi đất ban hành ngày 04/5/2017 do các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 không cung cấp cho Hội đồng bồi thường văn bản thỏa thuận phân chia di sản có chứng thực của cấp có thẩm quyền.

Ngày 14/11/2017, căn cứ vào khoản 3, Điều 49 và khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện T2 đã ban hành Thông báo số 366 về thu hồi đất để thực hiện Dự án sau kè bờ tả Sông Hồng.

Hội đồng bồi thường đã mời các ông, bà có quyền và nghĩa vụ liên quan từ hộ ông T6 để khảo sát đo đạc, thống kê đất, tài sản trên đất nhưng không thực hiện được dù đã tuyên truyền, vận động thuyết phục.

Ngày 27/3/2018 Chủ tịch UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định 752 về việc kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 20/4/2018 Chủ tịch UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 1169 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Đến ngày 10/5/2018 Ban cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đã tổ chức thực hiện Quyết định số 1169 và lập biên bản ghi nhận quá trình cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc và đã niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án.

Ngày 14/8/2018, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 3419 về việc thu hồi đất xây dựng Dự án sau kè bờ tả Sông Hồng.

Như vậy UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 3419 ngày 14/8/2018 về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án sau kè bờ tả Sông Hồng đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.3] Về nội dung quyết định

[2.3.1] Về xác định người bị thu hồi đất

Quyết định số 3419 xác định người bị thu hồi đất là ông Phùng Văn T4, Phùng Thị L2, Phùng Kim D, Phùng Thị P3, Phùng Thị Kim P2, Phùng Văn T1, Phùng Thị Kim L3 là những người được hưởng di sản thừa kế (quyền và nghĩa vụ) từ hộ ông Phùng Văn T6 (chủ hộ đã chết).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là do bố mẹ vợ của ông T6 cho (không xác định rõ thời gian cho), sau đó vợ chồng ông T6 sử dụng ổn định đến năm 1971 thì bà Q (vợ ông T6) chết, năm 1999 ông T6 chết. Khi bà Q, ông T6 chết đều không để lại di chúc về việc phân chia di sản. Và khối tài sản này cũng không có chứng cứ nào chứng minh đã được chia cho các con của ông T6 khi còn sống.

Sau khi ông T6 chết, từ năm 2000 ông T1 là người trực tiếp quản lý diện tích đất do ông T6 để lại (những người con còn lại đều đã chuyển đi nơi khác sinh sống từ trước đó) và ông T1 là người trực tiếp nộp thuế đất hàng năm đối

với diện tích đất này (thể hiện tại các hóa đơn thu thuế đất năm 2000, 2006, 2007, 2011 và xác nhận của ông Nguyễn Văn L, ông Vũ Mạnh T10 là người thu thuế nhà đất tại thời điểm đó). Theo sổ Bộ thu thuế năm 2009, 2010, 2011 của Chi cục thuế huyện T2, ông Phùng Văn T1 là người đứng tên để nộp thuế nhà đất cho diện tích đất do ông T6 để lại. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì một trong những căn cứ để xác định người sư dụng đất ổn định được căn cứ vào biên lai thu thuế hàng năm.

Ngoài ra, sổ mục kê đất đai năm 2009 của thị trấn L1 thể hiện ông T1 là chủ sử dụng diện tích 1047.3 m2 đất trồng cây lâu năm (đất do ông T6 để lại) và 341,4 m2 đất ở đô thị (diện tích đất hiện tại gia đình ông T1 đang ở). Khoản 2 Điều 20 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TN&MT quy định sổ mục kê là *"tổng hợp các thông tin thuộc tính của thửa đất…gồm số hiệu tờ bản đồ, diện tích loại đất, tên người sử dụng đất và người quản lý đất…"*. Ông T1 cho rằng ông không biết việc mình được ghi tên là chủ sử dụng đất do ông T6 để lại trong sổ mục kê đất đai thị trấn Phố Lu. Nhưng khi đi đo vẽ để quy chủ đất đai trên địa bàn thị trấn, cơ quan có thẩm quyền nhận thấy ông T1 là con trai của ông T6, là người con duy nhất còn sinh sống tại thị trấn Phố Lu và hiện đang quản lý diện tích đất nêu trên nên đã xác định ông T1 là chủ sử dụng đất.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai 07 người con của ông T6 đều trình bày rằng khi còn sống ông T6 đã cho mỗi người con một phần đất nhưng việc cho đất chỉ bằng miệng, những người con của ông T6 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông T6 cho đất, không cung cấp được một trong các giấy tờ quy định tại điều 100 Luật Đất đai. Sau khi được cho đất, các con của ông T6 không làm thủ tục đăng ký đất đai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cũng không thường xuyên sử dụng phần đất được cho, cụ thể là 06 người đã chuyển khẩu đi nơi khác sinh sống (Bà L2, ông T4 chuyển đi từ tháng 3 năm 1993, Bà D chuyển đi năm 1988; Bà P2 chuyển đi năm 1994; Bà P3 chuyển đi năm 1995; Bà L3 chuyển đi năm 1994) chỉ còn ông T1 ở lại thị trấn Phố Lu.

Theo lời khai của những người làm chứng là bà Phạm Thị T11, ông Vũ Mạnh T12, ông Lê Đức P4 thì người làm chững chỉ được nghe kể về chuyện ông T6 cho các con đất và thời gian đầu các con ông T6 có làm nhà và sinh sống trên đất nhưng sau đó do thiên tai nên sáu người con đã chuyển đi nơi khác, chỉ còn ông 1T ở lại thị trấn Phố Lu. Thỉnh thoảng sáu người con của ông T6 có qua lại khu đất để phát dọn, trồng cây cối, dọn dẹp, thắp hương cho bố mẹ. Riêng chị D thì do đi lấy chồng ở K1 nên ít về.

Từ những phân tích trên xét thấy, Quyết định số 3419 đã xác đinh sai về người bị thu hồi đất, vi phạm quy định theo quy định của Luật đất đai, nên cần phải được hủy bỏ.

[2.3.2] Về căn cứ thu hồi đất

Ngày 20/6/2013 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1514/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2, với tổng diện tích lập quy hoach là 30,0ha

Ngày 10/7/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1722/QĐ-UBND Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2, với tổng diện tích là 27,5ha.

Ngày 28/9/2018, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 2996/QĐ-UBND đính chính Quyết định số 1514 và Quyết định số 1722 về tên, thể thức, kỹ thuật trình bày, theo đó Quyết định số 1514 đính chính tên thành "Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Hạ tầng sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2".

Ngày 28/4/2014 UBND huyện ban hành Thông báo số 105 thông báo dự kiến thu hồi 30,0ha dựa trên Quyết định số 1514. Qua kiểm tra, xác định ranh giới quy hoạch theo Quyết định số 1722 thì phần đất thu hồi của hộ ông T6 nằm trong ranh giới quy hoạch 27,5 ha.

Như vậy, Quyết định số 1514 và Quyết định số 1722 có sai sót về tên, thể thức, kỹ thuật trình bày nhưng sai sót này đã được đính chính, việc sai sót này không làm ảnh hưởng đến quy hoạch của dự án, không xâm phạm đến quyền lợi của người dân.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3418 ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành.

Điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định: "*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày"*. UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 3419 về việc thu hồi đất nên cũng có thẩm quyền ban hành Quyết định số 3418 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hai Quyết định này được ban hành trong cùng một ngày 14/8/2018. Như vậy, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 3418 cũng đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định .

[3.2] Về nội dung quyết định

Như đã phân tích tại mục [2.3.1] quyết định thu hồi đất số 3419 đã xác định sai người bị thu hồi đất nên quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cũng không đúng quy định.

[4] Về yêu cầu buộc UBND huyện T2 thực hiện thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích của từng người sử dụng đất theo đúng luật đất đai 2013.

Như đã phân tích ở phần trên, đối với Quyết định số 3418 và Quyết định số 3419 là hai Quyết định điều chỉnh trực tiếp về việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường đối với tổng diện đất 1188 m2. Tuy nhiên 02 Quyết định này đã có vi phạm nghiêm trọng về việc xác định sai người bị thu hôi đất cho nên cần phải hủy bỏ. Do vậy, để việc thực hiện dự án đúng quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của những người có đất bị thu hồi thì UBND huyện T2 phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, xác định loại đất và thực việc thu

hồi đất lại đối với diện tích trên theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, yêu cầu buộc UBND huyện T2 thực hiện thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích của từng người sử dụng đất của các đương sự chưa có đủ căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này, vì hiện nay phương án bồi thường hỗ trơ tái định cư đối với diện tích này đã bị hủy bỏ.

[5] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T1, bà Phùng Thị Kim P2, bà Phùng Thị P3.

Hủy Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2 về việc thu hồi đất xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2, tỉnh Lào Cai;

Hủy Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND huyện T2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng, khu vực cầu L1, huyện T2, tỉnh Lào Cai.

2. Đối với yêu cầu của các đương sư về việc buộc UBND huyện T2 thực hiện thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với riêng từng diện tích của từng người sử dụng đất theo đúng luật đất đai 2013. Do hiện này toàn bộ Quyết định thu hôi đất và phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất bị thu hồi đã bị hủy bỏ. Nên UBND huyện T2 phải thực lại việc việc thống kê, bồi thường và thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, chưa có căn cứ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này của các đương sự.

3. Về án phí: Người khởi kiện ông Phùng Văn T1, bà Phùng Thị Kim P2, bà Phùng Thị P3 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Phùng Văn T1, bà Phùng Thị Kim P2, bà Phùng Thị P3 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000310 ngày 17/9/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận người khởi kiện đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện UBND huyện T2 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quyết Thắng